09:37-15/09/2016

Nguyễn Huy Thiệp: Tôi viết có đúng có sai

Nam Phú

Nguyễn Huy Thiệp vẫn đủ sức hấp dẫn

ngay cả khi ông kiệm lời nhất. Ảnh: KMS

Nói về cuốn sách phê bình văn học Giăng lưới bắt chim của mình, Nguyễn Huy Thiệp hay nhắc lại điều thoạt tiên tưởng rằng ông "lấp lửng": tôi viết có đúng có sai, có chính xác có nhầm lẫn, viết khi mình "đang còn nửa mê nửa tỉnh".

Tọa đàm "Nhà văn có nên viết phê bình văn học" diễn ra ngày 8/9 mới đây nhân dịp cuốn Giăng lưới bắt chim của Nguyễn Huy Thiệp được tái bản đã thu hút sự có mặt của khá nhiều tên tuổi nổi bật trong giới văn chương Việt Nam. Đa số ý kiến phát biểu đều cho rằng, viết phê bình là việc thường thấy của nhà văn. Vấn đề cần phải viết thế nào, viết cái gì để phê bình của nhà văn trở nên hấp dẫn, độc đáo và có giá trị.

"Luận anh hùng"

    Việc Nguyễn Huy Thiệp, một nhà văn thành danh trong sáng tác, cũng đồng thời viết phê bình văn học không phải là hiếm. "Một nhà văn thực sự phải là một nhà tư tưởng - TS. Chu Văn Sơn đưa ra lí giải của mình. Có thể tư tưởng được ẩn giấu trong sáng tác. Nhưng cũng có thể trực tiếp bộc lộ khi viết phê bình". Theo ông, phê bình của nhà văn, nhìn chung, thường có ba loại: viết để thù tạc, hữu hảo; viết để trao đổi chuyện nghề và từ đó, để truyền nghề; viết để trao đổi với nhau về đạo của người viết. Ở dạng thứ ba, ông nhấn mạnh, là khó khăn nhưng cũng đáng chú ý hơn cả. Với Nguyễn Huy Thiệp, TS. Chu Văn Sơn nhận thấy nhà văn viết phê bình là cách để chia sẻ những suy nghĩ, trăn trở về "đạo viết", bên cạnh và song song với sáng tác là để băn khoăn về "đạo sống".

    Mở rộng hơn, nhà thơ Nguyễn Quang Thiều cho hay: ở Mỹ vẫn luôn có phê bình kinh viện của giới nghiên cứu, giảng dạy và phê bình của giới nhà văn. Và chỉ khi nào hai tiếng nói này cùng được thấu đáo thì khi đó mới có thể nắm bắt được giá trị của văn học. Cùng Chu Văn Sơn, ông liệt kê một số tên tuổi nhà văn viết phê bình như L.Tolstoy, M. Kundera, O. Paz, R. Tagore, J. Brodsky…Thực ra, danh sách các nhà văn viết phê bình (hoặc nghiên cứu) văn học trên thế giới kéo dài đến mức khó mà liệt kê chốc lát. Chỉ cần nhìn vào các nhà văn đạt giải Nobel văn học thập niên qua, chúng ta cũng đã thấy rõ tính cách "nhị trùng", "hai trong một" vừa sáng tác vừa nghiên cứu phê bình của những J. M. Coetzee, O. Pamuk, M.Vargas Llosa, J.M.G le Clézio... Có thể nói, với họ, không có sự phân định rạch ròi nào giữa nhà văn chuyên chú sáng tác và nhà nghiên cứu phê bình sành sỏi ngón nghề hàn lâm. Môi trường giảng dạy (thường là đại học) hoặc báo chí văn hóa văn chương càng thúc đẩy họ trở nên năng sản và bài bản hơn trong việc công bố các tiểu luận phi hư cấu. Hình ảnh tạm chấp nhận để gọi họ hẳn là trí thức, những người có kiến văn sâu rộng, có đủ khả năng và nhiệt huyết lên tiếng trong nhiều lĩnh vực, vấn đề khác nhau.

Nhà văn viết phê bình là một cách "luận anh hùng". Muốn viết về ai, sắp đặt họ theo thang bậc vị trí nào, thì bản thân người viết cũng phải là một bậc "anh hùng" có thể nhận ra chân tướng và khả năng của người khác.

Nhà văn Nguyễn Việt Hà

 Ở Việt Nam, truyền thống các nhà văn viết phê bình cũng liên tục tiếp nối. Thậm chí, nhiều nhà văn còn tìm thấy ở phê bình một cơ hội trổ tài, một bù đắp có hậu khi ngòi bút sáng tác lâm vào thế "sa sút phong độ". Trường hợp Xuân Diệu, phần nào Chế Lan Viên hay Nguyễn Tuân sau 1945 là ví dụ tiêu biểu của việc xây dựng "thương hiệu" lao động phê bình. Nếu không có những Ba thi hào dân tộc, Hồ Xuân Hương bà chúa thơ Nôm, Thơ Tế Xương, Tìm hiểu Tản Đà, người đọc khó lòng lí giải sự tài hoa, uyên bác của Xuân Diệu nằm ở đâu. Sau nhiều câu thơ vần vè, Xuân Diệu đã có một vài phát hiện, bình luận văn chương chói sáng. Dĩ nhiên, phải là nhà văn "cỡ nào" thì mới có thể "thoát thân" hoặc tạo được thân danh trong lĩnh vực phê bình vốn nhọc nhằn, lắm khi cả đời hì hục viết chỉ để thiên hạ lấy làm giấy pháo. Lưu lại vài chữ trong phê bình không cứ cần cù, chăm chỉ mà thành.

    Nhà văn Nguyễn Việt Hà, chiểu theo truyện Tam quốc, hình dung việc nhà văn viết phê bình là một cách "luận anh hùng". Muốn viết về ai, sắp đặt họ theo thang bậc vị trí nào, thì bản thân người viết cũng phải là một bậc "anh hùng" có thể nhận ra chân tướng và khả năng của người khác. So sánh thú vị này khiến chúng ta phải chú ý đến con mắt tinh đời, sự đọc tinh tế của nhà văn. Bởi ở họ, ngoài vốn kiến thức sách vở, thì sâu sắc và độc đáo hơn cả vẫn là những trải nghiệm, kinh nghiệm viết văn, thứ vũ khí nếu biết cân chỉnh đúng góc, sẽ luôn trúng tâm nhiều vấn đề hóc hiểm. Những nhà phê bình được coi là chuyên nghiệp, được đào tạo kinh viện thường mạnh ở sự bài bản, khái niệm, phương pháp… Trong khi nhà văn lại sắc sảo, ghê gớm ở những đồng điệu, tán thưởng và gọi tên tính cách văn chương của đồng nghiệp. Vì thế, khi tiến cử ai, đọc tác phẩm nào, họ cũng đều lẩy ra vài nét thần tình. Nhìn cung cách Nguyễn Huy Thiệp giới thiệu Đồng Đức Bốn, Trần Đăng Khoa, Phạm Tiến Duật, Nguyễn Việt Hà và đặc biệt là Nguyễn Bảo Sinh, chúng ta phải thừa nhận không ít chính xác, thấu lí đạt tình trong đó.

    Một nhà văn viết phê bình có thể không sử dụng các khái niệm công cụ, các thuật ngữ. Nhưng họ có hệ thống câu chuyện, tích truyện, các lớp lang hình ảnh, cách liên tưởng so sánh hiếm khi khô cứng.  Do đó quá trình tiếp nhận của độc giả diễn ra nhanh chóng hơn và đây mới là điều các nhà văn quan tâm. Lối đi chung giữa nhà văn viết phê bình và độc giả còn có những ngõ ngách trực cảm, cảm xúc, những khúc ngoặt ưu thời mẫn thế, những chỗ dừng lại lâu hơn về thế thái nhân tình. Đọc phê bình của nhà văn mà Giăng lưới bắt chim là điển hình, người đọc có thể nhớ lâu về sự "lằng nhằng" của mỗi người, về những đau đớn và bất hạnh, bạc bẽo, hiểm hóc, trắng trợn, tởm lợm, cay cú, hèn hạ, nhăng nhố, bợm bãi, vớ vẩn,...bày chật trong văn chương và đời sống. "Luận anh hùng", vì vậy, cũng là luận thời thế, luận cuộc đời.

"Có đúng có sai"

    Nói về cuốn sách của mình, Nguyễn Huy Thiệp hay nhắc lại điều thoạt tiên tưởng rằng ông " lấp lửng": tôi viết có đúng có sai, có chính xác có nhầm lẫn, viết khi mình "đang còn nửa mê nửa tỉnh". Trong lời bộc bạch này, ông giấu một nụ cười nhẹ nhõm, thông thái vì đã vượt qua được những vướng víu khen/chê. Ông biết nhầm lẫn, sai khuyết cũng là một phần tất yếu của người đời. Nhà văn, hẳn nhiên, không ngoại lệ. Nhưng với những ai nhất nhất theo lối nhị nguyên biện biệt đúng/sai, tốt/xấu, thiện/ác,…, sẽ không những khó chịu với văn chương Nguyễn Huy Thiệp mà còn bị ức chế khi đọc phê bình của ông. Bởi trước khi nhận định được ông đúng hay sai, phần lớn đều vấp phải giọng điệu, cách diễn đạt thẳng thắn đến mức "trắng phớ", đôi khi gây hấn với những đôi tai quen nghe thuận chiều.

    Thời điểm Nguyễn Huy Thiệp bắt đầu viết phê bình, cuối thập niên 1980, cũng là cao trào giới nhà văn nảy sinh quan điểm, ý kiến văn chương mới mẻ. Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Nguyên Ngọc, Phạm Thị Hoài,… đều từng gây tranh luận vì những phát biểu mang tính chất phản biện, tái nhận thức, tái thẩm định của mình. Muộn hơn, các bài viết của Trần Mạnh Hảo (Thơ phản thơ), Đỗ Minh Tuấn (Ngày văn học lên ngôi), Trần Đăng Khoa (Chân dung và đối thoại) cũng tạo không ít dư luận. So với nhiều công trình nghiên cứu phê bình chuyên sâu, các cuốn sách trên có lượng độc giả khá lớn, có kiểu chinh phục người đọc rất lạ thường. Giăng lưới bắt chim, sau lần xuất bản đầu tiên (2005), cũng đã được giới chuyên môn đánh giá cao. Nhà phê bình Hoàng Ngọc Hiến bắt gặp ở cuốn sách "những vấn đề đáng quan tâm, những ý kiến đáng suy nghĩ". Nhà phê bình Vương Trí Nhàn coi đó là "một sự phá cách", "đặt mình vào dòng chảy thời đại" . Trong buổi tọa đàm, nhà thơ Trần Đăng Khoa đề cao giọng văn khó lẫn, thậm chí bịt tên Nguyễn Huy Thiệp, người đọc cũng nhận ra sau khi đọc vài ba dòng. GS Trần Đình Sử thì khẳng định "sự chuẩn bị về nội lực", PGS.TS Nguyễn Đăng Điệp lại chú ý đến "cách nhìn, cách kiến giải riêng". Lý thú và cô đọng, nhà phê bình Chu Văn Sơn đặt lối viết phê bình của Nguyễn Huy Thiệp trong chữ "phũ" với nghĩa là nó từ chối các lớp ngôn ngữ hàn lâm, ngôn từ chính trị, ngôn ngữ đèm đẹp của văn hóa. Nó cũng từ chối cách nói nương nhẹ. "Phũ", vì thế, là phản ứng về sự "vô đạo" trong văn chương.

Đọc Giăng lưới bắt chim có thể nhận diện được những nguồn ảnh hưởng quan trọng đến sự hình thành quan niệm, đường hướng thực hành văn chương của Nguyễn Huy Thiệp. Ông chọn xuất phát điểm ca dao tục ngữ dân ca "bởi đây thực sự là một kho tàng kinh nghiệm đời sống và kinh nghiệm tu từ". Ông hưởng ứng Nguyễn Văn Siêu, Lê Quý Đôn. Ông trích dẫn A. Rimbaud, G. Le Bon, F. Dostoievski, M. Gorki và cả B. Spinoza lẫn F. Nietzsche. Họ đóng vai gợi ý, gợi mở cho những điều ông bàn luận thêm quyết liệt và vững chắc. Nhưng đáng chú hơn cả vẫn là suy tư của ông về tư tưởng nhà văn, vai trò của thơ, thời của tiểu thuyết, chính trị và văn chương… Ở đó, nhiều kết luận, chiêm nghiệm của ông có thể đóng khung như một châm ngôn, một kim chỉ nam cho người viết đến sau. Ông coi trọng công việc "nghiên cứu tâm lí dân tộc" khi bắt đầu cầm bút. Ông chủ trương "trở lại tự nhiên". Ông khuyến khích "cười lên đi"… Đó thực sự là những điều căn cốt, vừa có tính thời sự nhưng cũng vươn đến tầm phổ quát. Có đúng có sai nhưng ít nhất, nó đã chuyển hóa nhuần nhuyễn trong nhiều sáng tác vang danh của ông.

    Giăng lưới bắt chim, thú vị thay, mang lại cho Nguyễn Huy Thiệp giải phê bình của Hội nhà văn Hà Nội (2006). Điều này cũng làm nhiều bạn đọc văn chương bớt băn khoăn rằng tại sao một nhà văn được dịch ra nhiều ngôn ngữ quốc tế, từng nhận Huân chương Văn học nghệ thuật của Chính phủ Pháp (2007) và giải thưởng Nonino Risit d'Âur của Ý (2008) như Nguyễn Huy Thiệp lại khó vừa khuôn giải thưởng nội địa Việt Nam đến thế.

---

1 Xem thêm bài viết Bới trong những mớ "nhố nhăng" và "nhầm lẫn"… của Hoàng Ngọc Hiến và bài Giăng lưới bắt…lý luận của Vương Trí Nhàn xuất hiện trong phần "Dư luận" của Giăng lưới bắt chim bản tái bản năm 2006 (NXB Hội Nhà văn và Đông A)

04:24-20/09/2016
Cắt lát vài thông điệp từ giải Sách Hay

|  |
| --- |
| Inrasara  |


GS Phan Văn Trường phát biểu khi lần đầu
nhận giải ở hạng mục sách Quản trị cho cuốn
"Một đời thương thuyết"

Giải Sách Hay lần thứ sáu do Viện IRED và Quỹ Văn hóa Phan Châu Trinh bảo trợ vừa được tổ chức tại TP Hồ Chí Minh vào sáng ngày 18-9. Cũng như mọi năm, tinh thần của Giải Sách Hay là “mỗi cuốn sách là một thông điệp”. Vậy đâu là những thông điệp mới của năm nay?

1. Nếu ở hạng mục sách Thiếu nhi, là bộ sách ba tập của Nguyên Hương: Đồ thông minh ngốc xít, Cổ tích mới và Cô gái lơ lửng gây ngạc nhiên thú vị, thì ở hạng mục sách Văn học, Lâu Đài của Franz Kafka do Trương Đăng Dung dịch, và Cõi người rung chuông tận thế của Hồ Anh Thái được xướng tên, là một tái khẳng định giá trị tác phẩm cũ nhưng vẫn mang tính thời sự. Franz Kafka được xem là tiểu thuyết gia gây ảnh hưởng lớn nhất của thế kỉ XX, nhất là với các tác giả lớn. Rất nhiều nhà văn trên thế giới tự nhận chịu ảnh hưởng từ ông.

Ở hạng mục sách Kinh tế được chọn để vinh danh, có: Cú sốc thời gian và kinh tế Việt Nam của Trần Văn Thọ, và Hiểu nghèo để thoát nghèo. Cách mạng tư duy để thoát nghèo trên thế giới của Abhijitt V. Banerjee & Esther Duflo do Nguyễn Lê Ngọc Bảo dịch; còn ở hạng mục sách Quản trị, là Con đường đi đến thành công bằng sự tử tế của Inamori Kazuo qua bản dịch của Nguyễn Đỗ An Nhiên; riêng sách viết, cuốn Một đời thương thuyết của Phan Văn Trường đoạt Giải.

Ở hạng mục Phát hiện mới thuộc về 3 tác phẩm, gồm: Những thiếu thời lơ lửng của tác giả trẻ Hạnh Nguyên mới bước qua tuổi hai mươi. Cuốn thứ hai là Bí ẩn nữ tính của Betty Friedan do Nguyễn Vân Hà dịch; đây được xem là tác phẩm đặt nền móng chó phong trào nữ quyền thứ hai. Và cuối cùng là Cuộc cách mạng một cọng rơm của Masanobu Fukuoka do Nhóm XanhShop dịch; điều lạ ở đây là tác phẩm kì lạ này đoạt cả giải bên hạng mục Phát hiện mới lẫn hạng mục “Người trẻ chọn sách cho người trẻ” là hạng mục mới. Và như tên gọi của nó, ở hạng mục này chính người trẻ giới thiệu và chọn sách cho vừa phát sinh trong năm nay. Ngoài Cuộc cách mạng một cọng rơm, 5 tác phẩm được xướng tên có tiểu thuyết nổi tiếng Bắt trẻ đồng xanh của Jerome David Salinger do Phùng Khánh dịch, Walden – một mình sống trong rừng của Henry David Thoreau qua bản tiếng Việt của Hiếu Tân, Khuyến học của Fukuzawwa do Phạm Hữu Lợi dịch, Tinh thần tự lực: Những tấm gương về phẩm hạnh và lòng kiên trì của Samuel Smiles qua bản dịch của Phạm Viêm Phương và Thư Trung, và Tôi tự học của Thu Giang Nguyễn Duy Cần là tác phẩm duy nhất được viết bằng tiếng Việt nhận Giải.

Ở hạng mục sách Nghiên cứu năm nay, giải sách dịch thuộc về Hiện tương con người - một công trình của tác giả Pháp Pierre Teilhard de Chardin qua bản dịch của Đặng Xuân Thảo; đặc biệt sách viết là công trình Văn minh vật chất của người Việt của Phan Cẩm Thượng nhận giải là một sự kiện đặc biệt.

Ở hạng mục sách Giáo dục, sách dịch được trao cho Sự ra đời trí khôn ở trẻ em của Jean Piaget do Hoàng Hưng dịch; bên sách viết đoạt giải là cuốn Những ghi chép về quyền tự do lựa chọn của Nguyễn Văn Trọng - một tác giả ba lần giành Giải Sách Hay sau 6 kì, là điều rất hi hữu. Câu hỏi đặt ra: Hay vị giáo sư này hợp gu với Hội đồng Giám khảo Giải Sách Hay? – Chắc chắn là không rồi! Trong diễn từ của mình, Nguyễn Văn Trọng nhấn mạnh, người Việt [cả bộ phận lớn thế giới ngoài kia] đã hiểu quá sai về “tự do”, kiểu tự do là muốn làm gì thì làm. Ông cũng từng hiểu lệch lạc như vậy, thế nên viết và dịch về “tự do” là ông muốn điều chỉnh “sự ngu dốt về tự do” của chính mình. Trong khi hàm nghĩa của tự do – theo cách hiểu của ông – nằm ở hai hướng: Hướng tiêu cực, tự do đòi hỏi mọi người tôn trọng khoảng không gian riêng tư, tôn trọng cái khác của người khác; còn hướng tích cực, đó là: quyền tự do lựa chọn cứu cánh của cuộc đời cá nhân. Nhưng ở khắp nơi trên thế giới, người ta cứ [vô tình hay cố ý] vi phạm, thế nên “tự do” là khát khao muôn thuở của con người, luôn là đề tài nóng, không chỉ của hôm nay.

2. Sáng tạo văn chương Việt Nam vẫn có nhiều cái đáng đọc, chứ không như ý kiến chung chung và phiến diện, rằng văn học Việt Nam có mặt bằng mà không có đỉnh cao, văn thơ tiếng Việt mươi năm qua vẫn cứ nhàn nhạt, khiến độc giả xa lánh.

Về văn học, Giải Sách Hay phát hiện một khuôn mặt lạ hoắc: Hạnh Nguyên qua tác phẩm đầu tay, tập 11 truyện ngắn với vài tản văn: Những thiếu thời lơ lửng do nhà xuất bản Văn học ấn hành năm 2014. Tuổi trẻ cô đơn, tuổi trẻ băn khoăn, tuổi trẻ lơ lửng không được hiểu và sẻ chia bởi những người lớn xung quanh, bên cạnh, thậm chí người lớn gần gũi nhất. Hạnh Nguyên viết về những ưu tư của chính mình, qua đó vô tình nói thay cho thế hệ mình bao nỗi ấy bằng giọng văn lạ lẫm, gây nhiều suy nghĩ nơi người đọc. Cả người lớn lẫn tuổi trẻ. “Mười bảy tuổi là một quãng đáng sợ. Nó chông chênh và ngấp nghé trước cái lằn ranh của sự trưởng thành. Trưởng thành là một điều khác biệt. Đôi khi tôi thực sự tin tôi sẽ không sống đến tuổi mười tám. Nhưng lúc này thì tôi rõ là vẫn ở đây. Tôi đã từng tưởng tượng về cái chết của chính mình. Điều buồn cười là, trong cái tưởng tượng của tôi, cửa phòng luôn mở và chưa bao giờ tôi chết hẳn” (“Một thế giới”).

… và một khuôn mặt quen thuộc, nhưng luôn gây bất ngờ: Hồ Anh Thái.

Hồ Anh Thái bắt đầu chấp bút viết Cõi người rung chuông tận thế vào năm 1996; tác phẩm in lần đầu năm 2002 sau đó được vài nhà xuất bản tải bản nhiều lần, là thành công lớn của nhà văn này. Tiếc, tiểu thuyết đã không được vinh danh bằng giải nào, dù nó rất xứng đáng. Giải Sách Hay năm 2016 xướng tên nó, là một ghi nhận, dẫu muộn màng. Tiểu thuyết chạm đến đề tài muôn thuở của cõi người: tội ác và hình phạt. Khi cái xấu ác đang tràn lan xã hội hôm nay, thông điệp của Cõi người rung chuông tận thế cần được biết đến hơn bao giờ. Rằng, dù cái xấu ác luôn có mặt và thao túng cõi người, tuy thế cái xấu ác không thể tiêu trừ bằng sự trừng phạt như thể “an eye for an eye”, mà bằng lòng nhân từ bao dung. Dù sự bao dung luôn phải nhận về mình phần thiệt thòi, nhưng ở trong thẳm sâu của Cõi người, niềm tin vào lòng hướng thiện của con người luôn có mặt, sẵn sàng thể hiện sức mạnh ưu thắng của mình.

3. Thường thì lịch sử một đất nước luôn được nhìn qua các biến cố lớn, những cột mốc lịch sử quan trong; sử gia là người ghi nhận những biến cố, cột mốc đó với nhận định riêng. Lịch sử bị đồng hóa với biên niên sử bằng những chuyển động, chuyển đổi ở cấp độ thượng tầng xã hội, ở đó vua chúa và quan lại triều đình đóng vai chính. Nhưng lẽ nào lịch sử một đất nước chỉ thuần là lịch sử chiến tranh với những cuộc tranh giành quyền lực nội bộ hay với ngoại bang? Vậy đâu là vai trò của quần chúng nhân dân?

Nhận thấy sự thiếu khuyết mang tính phân biệt đó, không ít sử gia đã đi theo chiều hướng khác: Lịch sử quốc gia được nhìn qua lăng kính của sự phát triển nghệ thuật. Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc hay hội họa; cả lịch sử văn học như là sự phát triển tinh thần của một dân tộc. Không đáng sao? Dẫu sao, dù là một họa sĩ thời danh, Phan Cẩm Thượng có cái nhìn thoáng hơn, ông nhận định “nghệ thuật là thứ sang trọng, còn hàng ngày, đời thường, dân thường cũng có vị thế nhất định trong lịch sử như một văn minh sống động mà ta không hay nhắc tới” (trang 21).

Phan Cẩm Thượng qua công trình tâm đắc của mình ý định bổ sung sự thiếu khuyết đó. Văn minh vật chất của người Việt (nhà xuất bản Tri thức, tái bản lần thứ 6, 2016) kể câu chuyện về đồ vật do con người tạo ra, làm thành thế giới vật chất, qua đó người Việt tự soi mình để thấy cái hay/ dở, đẹp/ xấu, tiến bộ/ lạc hậu, để - như Bùi Văn nam Sơn nói - người Việt hiểu mình hơn, cảm thong và yêu thương dân tộc mình nhiều hơn.

Đó là ý tưởng lạ, “một cuốn sách lạ” (từ dùng của họa sĩ Nguyễn Quân) chưa ai từng làm trước đó. Suốt công trình dày 664 trang khổ 18x24cm, Phan Cẩm Thượng dẫn dắt độc giả đi vào cuộc hành trình dài qua các thời kì lịch sử những sáng tạo vật chất của người Việt: Từ xe cộ và thuyền bè đến chày và cối, từ đồ dùng mây tre đan đến đồ gốm và kim khí trong đời sống thường ngày, từ ngô khoai sắn đến “cơm tẻ là mẹ ruột”, từ đồ trang sức đến đồ thờ tự đơn sơ… và cả “ngôn ngữ liên quan đến đời sống vật chất” cũng được bàn đến một cách thú vị. Tất tần tật những gì lâu nay ta cho là bình thường, những sản vật nằm ngoài vùng tinh túy để tiến vua, những đồ dùng được người nông dân Việt Nam sử dụng hằng ngày, dùng rồi hư mất bị bỏ đi, và biến mất vô tăm tích dưới bánh xe lịch sử và kí ức cộng đồng được tái hiện sinh động.

Lịch sử [coi sinh mệnh quần chúng như “rơm chó”] bất công đã đành, nhà viết sử lâu nay cũng quá bất công với công sức của số đông quần chúng, khi “không đếm xỉa” tới những đóng góp của họ. Trong khi chính những vật dụng thường ngày đó mới mang hơi thở đời sống của một dân tộc. Nó cấp nhận làm nền đất vô danh cho những tác phẩm nghệ thuật cao cấp sáng giá mọc lên, và tồn tại, để được lịch sử ghi nhận.

Phan Cẩm Thượng với Văn minh vật chất của người Việt đã làm sống dậy hơi thở thầm lặng bất tuyệt đó.